

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG
PREMISES LEASE AGREEMENT TERMINATION AND SETTLEMENT MINUTES

Số/No.:

(Liên quan đến Hợp đồng thuê mặt bằng số ký ngày/...../.....)
(In relation to Premises Lease Agreement No. dated/...../.....)

Hôm nay, ngày tháng năm, tại, các bên
gồm có:

Today, on/...../....., at, the parties are:

BÊN CHO THUÊ: (sau đây gọi là “Bên A”)

LESSOR: (hereinafter referred to as “Party A”)

Ông/Bà/Tổ chức:

Mr./Ms./Organisation:

Căn cước công dân/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Citizen Identification/Enterprise Registration No.:

Địa chỉ:

Address:

Điện thoại: Email:

Telephone: *Email:*

Đại diện bởi: Chức vụ:

Represented by: *Title:*

BÊN THUÊ: (sau đây gọi là “Bên B”)

LESSEE: (hereinafter referred to as “Party B”)

Ông/Bà/Tổ chức:

Mr./Ms./Organisation:

Căn cước công dân/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

Citizen Identification/Enterprise Registration No.:

Địa chỉ:

Address:

Điện thoại: Email:

Telephone: *Email:*

Đại diện bởi: Chức vụ:

Represented by: *Title:*

Bên A và Bên B sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

Party A and Party B are hereinafter individually referred to as a “Party” and collectively as the “Parties”.

Căn cứ Hợp đồng thuê mặt bằng số ký ngày/...../..... và các phụ lục kèm theo (“Hợp đồng”); căn cứ tình hình thực hiện và thỏa thuận của Các Bên, Các Bên thống nhất lập Biên bản này với các nội dung sau:

Pursuant to Premises Lease Agreement No. dated/...../..... and its appendices (the “Agreement”); based on the performance of the Agreement and the Parties’ mutual agreement, the Parties execute these Minutes as follows:

ĐIỀU 1: CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: TERMINATION AND SETTLEMENT OF THE AGREEMENT

1. Các Bên thống nhất chấm dứt và thanh lý Hợp đồng kể từ ngày/...../..... (“Ngày Thanh Lý”).

1. The Parties agree to terminate and settle the Agreement from/...../..... (the “Termination Date”).

2. Lý do chấm dứt/thanh lý:

2. Reason for termination/settlement:

3. Kể từ Ngày Thanh Lý, Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ đã phát sinh trước Ngày Thanh Lý nhưng chưa được hoàn thành và các điều khoản được quy định tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng chấm dứt.

3. From the Termination Date, the Agreement shall cease to have effect, except for any rights and obligations accrued but not yet fulfilled prior to the Termination Date and any provisions expressly stated to survive termination.

ĐIỀU 2: BÀN GIAO VÀ HOÀN TRẢ MẶT BẰNG

ARTICLE 2: HANDOVER AND RETURN OF THE PREMISES

1. Bên B đồng ý bàn giao lại và Bên A đồng ý nhận lại mặt bằng tại địa chỉ: kể từ giờ phút, ngày/...../.....

1. Party B agrees to return and Party A agrees to take back the premises located at as from on/...../.....

2. Tình trạng mặt bằng khi hoàn trả:

2. Condition of the premises upon return:

3. Tài sản, trang thiết bị, chìa khóa và thẻ ra vào đã bàn giao:

3. Assets, equipment, keys and access cards returned:

4. Chỉ số điện tại thời điểm bàn giao: Chỉ số nước: Chỉ số khác (nếu có):

4. Electricity meter reading: Water meter reading: Other readings, if any:

5. Hư hỏng/tồn tại và trách nhiệm, thời hạn khắc phục (nếu có):

5. Defects/outstanding items and responsible party and rectification deadline, if any:

6. Biên bản bàn giao/hoàn trả mặt bằng kèm theo (nếu có) là bộ phận không tách rời của Biên bản này.

6. Any attached premises handover/return record forms an integral part of these Minutes.

ĐIỀU 3: ĐỐI SOÁT VÀ THANH TOÁN CÔNG NỢ

ARTICLE 3: RECONCILIATION AND SETTLEMENT OF OUTSTANDING AMOUNTS

1. Các Bên xác nhận các khoản phải thu, phải trả liên quan đến Hợp đồng như sau:

1. The Parties confirm the amounts receivable and payable in connection with the Agreement as follows:

Khoản mục Item	Số tiền (đồng) Amount (VND)	Bên thanh toán Paying Party	Ghi chú Notes
Tiền thuê / Rent			
Phí quản lý, điện, nước và dịch vụ / Management, utilities and service charges			
Thuế, phí và nghĩa vụ tài chính khác / Taxes, fees and other financial obligations			
Tiền phạt, bồi thường hoặc khấu trừ / Penalties, damages or deductions			
Khoản khác / Other amounts			
TỔNG CỘNG / TOTAL			

2. Tổng số tiền Bên phải thanh toán cho Bên là: đồng (bằng chữ:).

2. The total amount payable by Party to Party is VND (in words:).

3. Thời hạn và phương thức thanh toán:

3. Payment deadline and method:

4. Việc thanh toán được xem là hoàn tất khi bên nhận đã nhận đủ tiền và xác nhận bằng văn bản hoặc chứng từ giao dịch hợp lệ.

4. Payment shall be deemed completed when the receiving Party has received the full amount and confirmed it in writing or by valid transaction record.

ĐIỀU 4: XỬ LÝ TIỀN ĐẶT CỌC

ARTICLE 4: HANDLING OF THE DEPOSIT

1. Số tiền đặt cọc theo Hợp đồng: đồng.

1. Deposit amount under the Agreement: VND

2. Các khoản được khấu trừ/bù trừ từ tiền đặt cọc (nếu có), kèm lý do và chứng từ:

2. Deductions/offsets from the deposit, if any, with reasons and supporting documents:

3. Sau khi thực hiện các khoản khấu trừ/bù trừ nêu trên, tiền đặt cọc được xử lý như sau:

3. After the above deductions/offsets, the deposit shall be handled as follows:

a) Số tiền Bên A hoàn trả cho Bên B: đồng; hoặc

a) Amount to be refunded by Party A to Party B: VND; or

b) Số tiền được bù trừ vào nghĩa vụ thanh toán của Bên B: đồng; hoặc

b) Amount offset against Party B's payment obligations: VND; or

c) Trường hợp khác:

c) Other arrangement:

4. Thời hạn và phương thức hoàn trả/bù trừ:

4. Refund/offset deadline and method:

ARTICLE 5: CONFIRMATION OF COMPLETION OF OBLIGATIONS

1. Except for outstanding obligations expressly recorded herein, the Parties confirm completion of their respective rights and obligations relating to the Agreement.

2. Upon full completion of the obligations recorded in these Minutes, the Parties confirm that no further payment obligations or financial claims arising from the Agreement remain outstanding between them, except for any rights and obligations expressly stated to survive termination.

3. Confidentiality, indemnity, dispute resolution and other obligations stated to survive termination shall remain effective under the Agreement and applicable law.

ARTICLE 6: GENERAL PROVISIONS

1. These Minutes form an integral part of the Agreement and evidence its termination and settlement.

2. Any amendment or supplement to these Minutes shall be valid only if made in writing and duly signed by the Parties.

3. *These Minutes shall take effect from the signing date, unless otherwise agreed by the Parties in writing.*

4. These Minutes are made in counterparts of equal legal validity; each Party retains counterpart(s).

5. The Parties have read, understood and agreed to all contents and voluntarily sign these Minutes.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ REPRESENTATIVE OF THE LESSOR	ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ REPRESENTATIVE OF THE LESSEE
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)